

PHẬT-GIÁO HỘI

ASSOCIATION BOUDDHIQUE

CMO

ĐUỐC-TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY THỨ BA

Báo quán ở chùa Quán Sứ phố Richaud, Hanoi

慧 燄 報

Chủ nhiệm
NGUYỄN-NANG-QUỐC
Chủ tịch hội trưởng
hội Phật Giáo
Quản lý
CUNG DINH-BÌNH

Chánh chủ bút
PHAN TRUNG-THU
Sư cụ chùa Bằng-Sở
Poó chủ bút
DUONG-VAN HIỀN
Sư cụ chùa Tế-Cát



GIÁ BÁO :

CẢ NĂM : 1\$00 - NỬA NĂM : 0\$50 - MỖI SỐ : 0\$03

MẤY LỜI NGỎ CÙNG CÁC ĐẠI LÝ CHI HỘI PHẬT GIÁO BẮC-KY

TẠI CÁC ĐỊA-PHƯƠNG

Thưa các đại lý tôn ông,

Con dè Mỹ-lộc vỡ! Cái tai nạn gớm ghê ấy, đã đưa biết mấy mươi vạn anh em trong ba tỉnh Bắc-ninh, Hải-đường và Hưng-yên, vào một cái vũng cơ cực lầm than: cơm không có ăn, nhà không có ở, lang thang trôi dạt, dù ai ngờ thấy cũng phải cảm động thương tâm.

Đối với cái vết thương thâm khốc đó, dù trên có chính-phủ tìm phương cứu-tế; song ta đây nghe thấy đồng bào rĩ rĩ khóc than, dễ hồ mà ta không động lòng xót (ở).

Hướng hội Phật-giáo chúng ta, vốn lấy thi xả tử bi làm tôn-chỉ thì đối với việc này ta lại càng không nên lặng lẽ làm thinh.

Bởi vậy ban hội Trung-ương, xin có lời trân trọng yêu cầu các quý đại-lý tôn-ông, cèn lấy danh nghĩa của hội Phật-giáo ta, mà thương 'huyết với các hội-viên trong Chi hội, mở tấm hân tâm, để cứu giúp anh em trong cơn hoạn nạn.

Kể ít người nhiều, tùy lượng từ bi, trước là làm phúc làm duyên, sau là khiến cho danh dự của hội Phật-giáo ngày thêm rạch rỏ xương-minh, thì cái quả phúc tương-lai, chưa biết tới đâu hạn lượng.

Phần hội lại ước mong rằng, các Đại-lý tôn ông nên nói rõ với các hội viên trong quý Chi-hội: nếu ai từ lực dồi dào, thì xin tận tâm tận lực, giúp vào số quyền do hội Phật giáo Trung-Ương tổ chức, để ban hội Trung-Ương chuyển phát ngay đi, thì sẽ là một điều danh nghĩa lương toản, mà sau đây sẽ tránh được những nỗi phàn nàn kia khác, vậy khi quyền được số tiền bao nhiêu, xin Đại lý tôn ông kịp gửi ngay về cho ông Lê-Trại và xin kê rõ qui lịnh phương danh những người quyền trợ, để đăng lên báo Đức-Tuệ.

Trời đất gây cơn tai biến, anh em giúp buổi nguy nan của ít lòng nhiều, ta nên vì nghĩa đồng bào, cùng treo tấm gương hi xả.

Dám mong các Đại-lý tôn ông cùng các quý hội-viên mau mau gắng sức tán thành,

Ban Trị sự hội Phật-giáo Trung-ương Bắc-kỳ
Cần bạch,

CÁI THUYẾT CHẤP KHÔNG

CÙNG NHÂN QUẢ TRONG ĐẠO PHẬT

Tôi thấy có một số người đọc sách Phật mới hiểu được nghĩa Tiền-thừa li chút, mà đã vội cả quyết nói rằng : Cái chỗ uyên-thâm cực điểm của đạo Phật là bỏ sự chấp có người, có ta, có pháp. Và lại nói : Muốn điều không hệ chước là Phật ; nếu tâm ta cũng không vướng vít tới mọi vật nữa thì ta cũng là Phật. Nhưng đó chỉ là một pháp của Phật phá Tiền-thừa chấp chước đó thôi. Nếu nói đến bậc Đại-thừa là cái địa-vị truyền đạo dạy người, thì phải nên nhận có người, có ta, có đạo pháp mới được. Tôi học Phật còn ít, tôi chỉ sợ tội rằng : mình không giữ gìn được chính pháp để noi theo mà tu liền. Sao vậy ? Phật xưa thuyết ra pháp đầu nhiều, pháp nào cũng là để giác ngộ cho ta cả, nếu mà ta không giữ gìn đạo pháp, thì còn lấy gì mà học đạo làm đạo cho giác ngộ được nữa ? Vậy nên phải giữ gìn đạo pháp mà tiến tu thời một mai mới có ngày tỉnh ngộ, lại phải đem cái mình tỉnh ngộ ấy mà dạy người chưa tỉnh ngộ ; nếu nói không có người, không có ta, không có pháp, thì còn cần gì mà phải tu thân hành đạo. Trong Kinh Kim-cương nói không chấp có nhân-tướng, ngã-tướng và pháp-tướng, chính là có ý dạy cho bậc Tiền-thừa liền lên bậc tu bồ tát. Thế nào là tu bồ tát ? Là tùy cơ, tùy duyên, tùy thời, tùy thế mà khéo léo làm về phương diện cứu đời, tuy suốt ngày mãi miết về

phương diện độ sinh, mà vẫn là độ ta, thế mới phải là không chấp có tướng người; suốt ngày hành đạo mà chân thân vẫn không động chuyển, thế mới phải là không chấp có tướng ngã, đã tới đến bậc có chính trí quan sát, thời dẫu vạn niệm hằng ngày đầy rẫy trong bụng mà chân tâm vẫn không động niệm, thế mới phải là không chấp có pháp tướng. Tóm lại mà nói là những bậc Bồ-tát đã chứng được phép viên thông vô ngại, tưởng tới cái gì là cái ấy cũng có chân-lý, xem xét tới cái gì lọt vào mắt tức là Bồ-đề cả. Nếu cứ như lời người kia nói: muốn niệm đều không là Phật, đã chắc phải chăng? Phật tức là hoàn toàn giác-ngộ, có giác-ngộ là có tâm niệm. Như nói vạn niệm đều không là Phật, có lẽ Phật là gỗ đá hay sao? Hầu đem những vật ấy mà nhận là Phật được ư? Quyết nhiên không phải, thế thời người nói muốn niệm đều không là Phật, chẳng hóa ra sai nhầm lắm ru! thế thời làm thế nào cho thành Phật, kỳ thực chỉ có niệm Phật là thành Phật thôi, lẽ ấy tuy nóng gần nhạt nhẽo, nhưng nghĩ kỹ ra thời lại có ý vị đậm đà sâu xa.

Lại còn một số người nói rằng: Học tập Kinh-điền là bỏ gốc theo ngọn nhờ ấy cao thời cao thật, nhưng tâm chưa được giác-ngộ như Phật, còn u mê như ma quỷ, mà vội bỏ Kinh sách đi thời lấy gì làm phương pháp tu hành. Ói! ba tạng thánh giáo. Phật thuyết pháp trong bốn mươi chín năm, chia ra năm thừa để dạy người, nhưng hợp lại chỉ là một đạo. Vì căn khí người học đạo có thông minh có lỗ độn, nên cửa pháp vào đạo có nơi lấy, có nơi bỏ, chỗ nơi xấu, có nơi nóng, vì vậy mà phải chia ra năm thừa để lụy cái địa vị tu chứng sở năng mà tiến lên có giai có cấp, là có ý khiến cho những người học đạo thể nghiệm tinh chất của mình hợp với phương pháp nào, thời lấy phương pháp ấy làm con đường bắt đầu vào đạo. Nếu bảo cứ một chữ không mà hay thành Phật là tự mình đã được chính-lý, cho người học tập Kinh-điền là bỏ gốc theo

ngọn thời có khác gì bảo đạo đức thánh Khổng chỉ có hai chữ Trung - Thứ mà thôi, khiến người học giả chỉ đọc hai chữ Trung - Thứ mà được ngộ đạo làm đức thánh, chứ chẳng phải dò trải trăm đường muốn mới ở trong kinh sử nữa, lẽ ấy phải chăng hay là chẳng phải? Đạo học vấn của thánh hiền, có cương lĩnh, có điều-mục, mà người học đạo tiến lên có trình-độ thấp cao. Thì dù muốn đi xa tức phải từ gần, muốn lên cao tức phải từ thấp, cũng như nhà Nho học trước phải bác văn sau mới ước lễ. Học Phật cũng vậy, cũng phải nghiên cứu Kinh-điển trước cho hiểu thấu đạo-lý đích xác rõ ràng rồi sau mới mong tu hành chứng quả được.

Đến như cái thuyết nhân-quả nói người có tội tới khi chết phải vào địa-ngục, người bất tin cho là không phải, nhưng ai đã tin có cõi Phật cõi trời lẽ tất nhiên là tin có cả địa-ngục, ngã-quỷ, súc-sinh, ấy nhà Phật nói ba đường khổ báo là đó.

Hai chữ nhân-quả, thuyết này chẳng phải một nhà Phật nói thôi, chính nhà Nho cũng có nói: Kinh dịch nói: Nhà nào hay chứa thiện, thời được nhiều điều tốt lành; nhà nào hay chứa ác thời phải nhiều điều tai vạ. Chứa thiện ấy là gieo cái mầm thiện, được nhiều điều tốt lành ấy là được nhiều quả thiện.

Chứa ác ấy là gieo cái mầm ác phải nhiều điều tai vạ, ấy là phải chịu quả ác. Sách Nho cũng nói nhân quả rõ rệt như thế, hay nói sách Nho cũng chẳng đủ tin nữa chăng?

Cái thuyết ba đường khổ báo của Phật nói tức cũng là những điều tai vạ mà kẻ làm ác phải chịu quả báo. Lẽ ấy ta hãy tạm thí nghiệm ở đạo quý thân thì khác rõ, nếu đã tin rằng có đạo quý thân thì phải tin có luật luân hồi. Ta thử nghĩ người sinh tất phải chết, chết đi làm quỷ, làm thần, làm ma, làm quái, thì thời từ khi khai thiện lập địa lời nay, người chết biết hằng là số số nào mà kẻ, hằng là số số quỷ thần ma quái kia có lẽ đầy rẫy

cả giới đất đai sao? Không phải đã có con đường tiêu nạp, ấy cái luật luân hồi xem đầy đủ rồi. Chỉ có những người mờ màng bất tỉnh, chưa hiểu nguyên lý nhân quả, định luật luân-hồi, hiểu cái gì mình không trông thấy không nghĩ lường, là cho rằng không có cả, lại mong phá tan quét sạch hết đi. Như mấy nhà nho giả đời Đường đời Tống thấy các bậc chân nho lưu tâm về thuyên học, bèn tìm lời rào rập, kiếm châyện chệch bài, khiến đời sau những nhà học giả không dễ tâm khảo-cửu tới Phật-học nữa, nhưng càng rao rập bao nhiêu, lại càng mở rộng cho cả: nhà học giả quy thuyên bấy nhiêu. Tôi lấy làm lạ những người đã tự phụ là học nho mà chính cái lẽ luân hồi có nói trong sách 1 họ lại còn không hiểu. Kinh Dịch có câu: "Tinh khí làm vật, du hồn làm biển. Du hồn ấy là cái thần thức thác sinh ở trước, tinh khí ấy là cái khí chất sinh về sau, biết được cái tình trạng ấy, thời cái lẽ luân hồi cũng rõ rệt. Xem như thế thì đủ biết nhà nho cũng nói nhân quả luân hồi, sao lại bảo nhà Phật nói nhân quả luân hồi là mê tín, chẳng là điên đảo lắm rn!

Ôi! Phật là một bậc đại từ bi hỉ xả, chỉ mang một tấm lòng tế-độ cho chúng sinh. Trong Kinh Lăng-nghiêm nói: Mười phương chư Phật thương nhớ ta như mẹ nhớ con, ta nên nhớ Phật cũng như con nhớ mẹ, nếu mẹ nhớ con mà con không nhớ mẹ thì mẹ cũng chẳng làm sao được. Phật đã thương nhớ ta, ta cũng nên chăm niệm Phật, ta phải chí thành chí kính một lòng niệm Phật, cầu cho khi sống không có tội lỗi, khi thác trở về Tây phương Cực lạc. Trong Kinh Vô-lượng-Thọ Phật nói ai giữ được sáu điều này là được sinh sang Cực lạc thành Phật, một là thành tâm, hai là chớ bỏ tâm thành cho sao nhãng đi, ba là trong khi tụng Kinh lễ Phật, phải cầu nguyện chung cho cả tổ-tôn phụ-mẫu, gia-đình lớn-tộc, cùng khắp các giới chúng sinh, bốn là giữ lòng từ bi không nên sát hại sinh linh,

năm là hay đọc tụng Kinh sách Đại-thiền, sáu là chuyên tâm tu-hành hồi-hướng phát-nguyện. Bất cứ xuất-gia tại-gia, bất cứ trai gái trẻ già ai đủ sáu công đức ấy là được sinh Tịnh-độ.

Tịnh-độ là một nơi giải thoát an nhàn, để cho ta rời khỏi mầu kiếp trần hoan, trở về mà hưởng cái hạnh phúc tự tại liêu-giao an nhàn khoáng lạc, mà ta cũng mong về, hien như mong cởi bỏ cái áo rách nát mà đổi được tấm áo gấm vóc, như đứng ở cái nhà chật hẹp bực sốt, muốn an-tĩnh chẳng được an-finh, mà được lên đài cao gác rộng mặt mẽ phong quang. Ôi ! sau này ta đã được về cái cảnh hạnh phúc vô lượng vô biên như thế, thì nay ta cần gì mà phải say đắm ham mê những cuộc vui sướng cho nhục thể tạm thời, còn cần gì phải chuốc lấy những cảnh vật chóng tiêu, chóng mất ở đời làm gì nữa !

Chúng ta nên biết rõ rằng : Những kẻ mà bị đi con đường tà đạo, những người đắm say vào cái trường dục vọng mà không biết tìm lối ra, để cho cái tình dục nhục thể được tự-do, quyết nhiên sau này không được giải thoát mà về quê Cực lạc nữa đâu ! Ta thường nói sống là gửi, thác là về, xin thử hỏi liệu định sau này về đâu ? mà không có lẽ không về mà được. Thôi chỉ có hai con đường về : một là về cõi chín-phẩm hoa sen, tự-tại tiềugiao, bất sinh bất diệt. Hai là về nơi sáu đường luân-hồi khổ báo, trăm nghìn muôn kiếp không có hẹn nào được ra. Ấy hai đường, một đường cực lạc, một đường cực khổ, đã phân chia ra rõ-ràng như thế đấy.

Vậy thì ta nay còn mạnh khỏe, đều cần thứ nhất là phải đi con đường chính đạo, theo đức Phật Tổ đã dạy ta ở trong kinh điển mà chăm chỉ tu hành, để sau ta được trở về quê cực lạc, không còn hồ nghi gì nữa.

Sa-môn TỐ - LIÊN

HƯƠNG - HẢI THIÊN - SƯ

(TIẾP THEO SỐ 36)

TÊN CHỖ NGỒI THIÊN-SƯ, YẾT HAI

BÀI TỤNG RẰNG :

1. 夫子不識字, 達摩不會禪.

Phủ bất thức tự, Đạt-ma bất hội thiền.

玄妙無言語, 切莫妄流傳.

Huân-diệu vô ngôn ngữ, thiết mạc vọng lưu truyền.

h :

Không Thành không nệ chữ, Đạt-ma chẳng chấp thiền.

Đầu khôn nói được, Chớ có nói huyền thiên.

2. 尋牛須訪跡, 學道貴無心.

Tìngưu tu phỏng tích, học đạo quí vô tâm.

在牛還在, 無心道易尋.

Tại ngưu hoàn tại, vô tâm đạo dị tìm.

h :

trâu cốt tìm chỗ lối chân.

đạo cốt giữ bụng vô tâm.

chân trâu thấy là trâu thấy.

âm thì đạo mới dễ tìm.

· 生從何處來, 化從何處去,

tùng hà xứ lai, hóa tùng hà xứ khứ.

得來去處, 方名學道人,

lắc lai khứ xứ, phương danh học đạo nhân.

· 子 母 mà đến, rồi ta về nơi nó.

là người học đạo, phải hiểu rõ duyên do.

TIÊN SƯ THƯỜNG NHÀN NGÂM HAI BÀI KỆ RẰNG :

1. - 城市遊來寓寺邊

Thành-thị du lai ngụ tự biên.

隨機應變每時然.

Tùy cơ ứng biến mỗi thời nhiên.

意招月到禪床密

Song triều nguyệt đáo thiền sàng mật,

松笑風吹靜客眠

Tùng tiếu phong suy tĩnh khách miên.

色影輝瑩明色妙

Sắc ảnh lâu đài minh sắc diệu.

聲傳鐘鼓演聲玄

Thanh truyền trung cò diễn thanh huyền.

原來三教同一體

Nguyên lai Tam giáo đồng nhất thể.

任運何曾理有偏

Nhiệm vận hà tăng lý hữu thiên.

Dịch :

Thành thị từng qua, sáu cảnh thiên.

Tùy cơ mỗi lúc việc điều nên.

Trùng rôm xong mở đường kẻ xát. *Rin*

Gió thổi thông cười ngủ giấc yên.

Cung điện rõ-ràng màu sắc-diệu.

Trống chuông âm-ý tiếng u-huyền.

Suy cùng đạo-thể trong Tam-giáo.

Đều gốc từ nơi lẽ tự nhiên.

2. - 上士常遊般若林

Thượng sĩ thường du bát nhã lâm.

塵居不染了禪心

Trần cư bất nhiễm liễu thiền tâm.

濂溪程氏明高潔.

Liêm Khê, Trình-thị minh cao khiết.

蘓子韓文契妙音.

Tô-tử Hàn-văn khê diệu âm.

萬象林羅高易顯.

Vạn tượng lâm-la cao dị hiển.

一瓢造化密難尋.

Nhất bèo tạo-hóa mật nan tìm.

儒源蕩蕩登彌瀾.

Nho nguyên dăng dăng đăng di khoan.

法海重重入轉深.

Pháp-hải trùng trùng nhập chuyển thâm.

Dịch :

Danh Nho thường mến cảnh thuyên-lâm.

Ở cõi trần không vương bụi trần.

Tô-lã chơi chùa, văn thoát tục.

卅 卅 *Chu-đi tham Phật, đạo càng thâm.*

Muôn vạn cảnh-vật xem đều rõ.

Một mấy huyền-cơ hiểu dễ lần.

Thăm-thăm nguồn Nho cùng bề Thích,

Càng vào càng thấy chỗ xa-xăm.

Độc hai bài thơ này, ta thấy Hương - Trãi Thiền-sư không những không quên mình là nhà Nho tu Phật, mà lại muốn cho hai cái đạo-học nên ảnh-hưởng cùng nhau cho cùng thêm sáng tỏ.

Hương - hải Thiền - sư lại thường thuật lại những lời diệu-ngữ của các đấng cao-lăng để dạy học-trò, nay trọn mấy đoạn tinh-yếu dịch ra sau này :

« Muốn tìm thấy Phật, cứ xem chúng sinh.

Chỉ vì chúng-sinh mê không biết tự có Phật chứ không phải Phật nào có làm mê chúng-sinh.

« Hiểu được tự-tính của mình thì chúng-sinh là Phật, mê mất tự-tính của mình thì Phật là chúng-sinh.

« Giữ được cái tự-tính của mình vốn bình đẳng thì chúng-sinh là Phật, khiến cho cái tự-tính của mình thành gian-hiềm thì Phật là chúng-sinh.

« Lòng ta tự có Phật, phải cầu ở nơi nao »

Đoạn ngữ-lục này dạy người ta biết cái gốc tự-tu là chỉ nên cầu ở nơi tâm mình. Tâm mình tức là Phật đò. Nếu bỏ nơi tâm mình mà trái đời tránh thế, kiêu-tinh làm những sự diệt thân dè cầu Phật thì là lầm.

— « ... Lại có những kẻ bị tà-căn ở ngoài lẫn vào, cùng những kẻ tiền-khí hay dùng mưu-mẹo. Chúng không hiểu chỗ nguồn bệnh của sự sinh-tử, không biết chỗ gốc chung của ta với người. Chỉ cứ muốn tránh chỗ huyên-náo, bỏ nơi hoạt-động, và phá tung cái tướng, tách tung cái bụi của mọi vật dè tìm sự biết, làm như thế tuy cầu nơi tinh và tỏ lẽ không, nhưng không biết đó càng là cái cách làm vùi mất chân-lý mà lấp mất chân-giác. Thế cũng như kẻ trông thấy ngọn đèn có nhiều tia sáng xanh đỏ, bèn tắt đèn dè cho mất những cái tia sáng ấy đi; kẻ trông thấy cái bóng nó dưới mình ở dưới mặt trời, bèn tránh mặt trời cho khỏi cái bóng nó dưới. Như vậy chỉ nhọc tinh thần, mệt tinh-tử, tổn cả sức, mất cả công. Chẳng

khác gì gánh nước đổ vào chỗ đang kết băng, khuôn củi vấp vào đồng lửa đang cháy. Có biết đâu rằng những tia sáng lóa kia là do ở mắt, cái bóng mờ nọ vốn theo với thân mình. Hễ trừa khỏi bệnh lóa ở mắt là những tia sáng mất, diệt cái thân huyền chất đi thì cái bóng mờ nọ không còn.

« Nếu biết quay ánh sáng mà xét lại mình, bỏ cõi ngoài mà xem ở tâm, thì Phật nhãn sáng xuất mà cái bóng nghiệp tự tan, pháp-thân hiện lên mà cái vết trần tự tắt, Lấy lưới giao khôn ngoan của lòng tự-giác mà mò lấy quả tim ở trong chỗ bị nhiều triền-phọc ra, dùng mũi gươm tri-tuyệt của gia chuyên nhất mà chém đứt cái màng mắt ở giữa cõi trần-hoán. Ấy chính là cái tông chỉ cùng tâm, cái chân truyền đạt-lý đó. »

Đoạn ngữ-lục này dạy người ta biết cái gốc của sự học cùng tâm, đạt-lý là cái học của nhà tu đạo.

Muốn chứng đạo phải đạt-lý, muốn đạt-lý phải cùng tâm. Nhưng đạo ngụ ở lý, lý gốc ở tâm. Kẻ tu đạo nếu biết quay ánh sáng mà xét lại mình, bỏ cõi ngoài mà xem ở tâm, thì tâm tự cùng mà lý tự đạt. Còn như cái cách tránh chỗ huyền-náo, bỏ nơi hoạt-dộng để cầu tĩnh, câu-nệ ở những cái tướng cái trần của từng sự vật để cầu giác, không những nhọc lòng tổn công mà lại càng vui lấp mất cả chân lý, chân giác đi, không bao giờ chứng được đạo. ôi! thực là một cái phương-pháp cầu đạo rất tinh-thiết.

Đối với sự chứng đạo mà bác cái ý-kiến trấp-trương thì tôi thường xem thấy ở trong các sách, đến như bác cả cái quan-niệm cầu tĩnh thì thực là mới và rất thích hợp với thể-đạo, với cách tu-học ngày nay. Lại hai cái nghĩa thí-dụ mất lóa với hoảng-hồn lại càng tinh-điệu, khiến học-giã xem rất dễ hiểu cho sự cầu đạo.

NGUYỄN-TRỌNG-THUẬT

CỔ TÍCH CỦA NGƯỜI VIỆT-NAM Ở HUẾ CHÙA THIÊN - MỔ

(Bài diễn thuyết tại Hội quán hội Tri-tri Hanoi 59 phố
Hàng Quạt ngày 11 Jun 1936 của ông Trần-văn-Giáp)
(TIẾP THEO)

Trải qua một hồi toàn thịnh của các chúa Nguyễn trong Nam, ngôi chùa Thiên-mổ ngày một sầm uất nguy nga. Sau nhậu Trương-phúc-Loan chuyên quyền mà Tây-sơn nổi loạn, tuy gặp khúc bình hòa, nhân dân loạn li, tang-thương biến đổi mà chùa Thiên-mổ vẫn còn trơ trơ. Trong sách Tang-thương ngẫu lục, cụ Kính - phủ có chép một bài thơ diếu cổ của một vị cố thần chúa Nguyễn khi lên bài yết chùa Thiên-mổ, nghe ra đầy đầy những nhời oán thán, những ý cảm hoài, đọc đi đọc lại càng đọc càng thấy thú vị - 寶閣瓊樓半已荒,梵宮依舊對斜陽,可憐二百年基業,不及山僧一夢長

Lốm đốm lầu song gác tía rêu,
Ngọn chùa rờ trọi bóng tà treo,
Thương thay hai kỉ cơ đồ Hán,
Một dắc thầy tu ngày khó theo !

Vị cố thần chúa Nguyễn làm bài thơ này là ai ? Và làm vào hồi nào ? Theo ông Lê-quí-Đôn thì bài thơ này của

một vị đại sĩ tên là Ngô-hoàn-Phác để trên vách chùa năm (cánh-bung) ất-vị (1775) đưa hời chúa Trịnh cai-trị đất Huế. Hoàn-phác là tên tự ông Ngô-thế-Lân, quê ở Thuận-hóa, từ nhỏ đã có chí lớn, học rộng văn hay, sau về ở làng Vu-lai, huyện Quảng-diên, tự hiệu là Ai-trúc-Traì. Hồi ông Lê-quí-Đôn vào làm tham thị Thuận - Hóa, ông Ngô chừng độ hơn 50 tuổi, ở trọ phố Hà - thanh ở Huế. Ông Đôn có cho người mời vào chơi, nhưng ông Ngô xin từ, ý nói lại chơi dễ cầu tiên thân thì ông lấy làm bỏ tợn. Ông Ngô không những là người danh sĩ văn hay, trong thơ văn của ông có bộ Phong trúc tập 風竹集, thật là tao nhã mà có tình tình. Ông Ngô lại có tài kinh lý, tiếc không gặp thời. Vào đời đức Định-vương Nguyễn-phúc-Thuân ông đã nhiều lần hiến phương sách trị bình; nào việc tiền tệ, nào việc khai khẩn, việc binh, việc nông, theo địa lợi, theo thiên thời, bày tỏ các nhẽ các cách nên làm, tiếc vì không được thi hành. Lịch-sử của ông thật đáng đề ý, thật là một bậc có tài có học, có tư cách, kẻ ra đây không thể xiết được. xin dịch bài thơ tự thuật của ông, nghĩa là tự ông kể thân thế của ông bằng lời ngâm vịnh thì 'a cũng có thể biểu rõ tâm sự ông được, nào tởi thanh cao, nào lòng tự trọng, không thấv danh lợi mà tối mắt. không vì hư vinh mà nhục thân ; nhân đây ta lại hiểu rõ thêm rằng thơ từ cũng có khi có ích lợi cho sử học.

Giời nam nầy một anh đồ.

Giám khoe số lạ chỉ to khác thường,

Sớm theo học đạo tổ-vương.

Biết bao hi vọng dõm đờng đời dào,

Thư duy kinh-tử ra vào,

Lý quyền há dễ mình nào sợ ai,

Thương sinh trông thấy thợ giải.

Trong lòng hiềm nổi không tài thi trươg.

Nghĩ mình hạt ngọc trân tàng,
 Thà dành đợi giá chợ thường bán rao,
 Tuổi chưa bốn chục có bao,
 Thế mà tiền thủ lòng sao chễ hoai,
 Tháo lui bạn với hươu nai.
 Xươn non lều cỏ năm giải Khổng-minh
 Lần lần bác sĩ cùng kinh.
 Họ Phục hi ấy là mình ước mong,
 Ai hay danh lợi ngoài vòng.
 Trẻ này góp một non sông bao giờ,
 Gật đầu ngẫm nghĩ người xưa,
 Biết rằng bạc ấy há lừa dối ta,
 Tuổi xanh thấp thoáng bóng qua.
 Chuyện đời ngánh lại gần xa quên rồi,
 May thay giàng buộc gác ngoài,
 Tự an cho dạ Vô hoai Cát thiên,
 Người xưa xa khuất cửu-nguyên
 Thương ôi chia nhớ giải phiền cùng ai!

Đầu thế kỷ thứ 19, sau khi đức Cao-hoàng thống nhất đất Việt, Phật pháp lại thấy trùng quang ở chùa Thiên-mỗ. Năm Gia-long thứ hai (1803) ngài có cho thiết đại trai đàn ở Thiên-mỗ để phả độ cho trận vong tướng sĩ và cho đội thủy quân Thần-sách khi ra Bắc - thành bị đắm tại Thanh-hóa. Năm Gia-long 14 ngài cho làm lại chùa Thiên-mỗ và đức tượng Phật, ngài thân dự lễ và có ban kể chuyện với ông Trí-hoài-Đức : « Chùa Thiên-mỗ là nơi linh địa, năm giáp ngọ (1714) đức Hiếu-minh trùng hưng các điện Phật, có cả ngự uyển cùng điều đài, những nơi đó Đấng-Đức-Siêu hãy còn nhớ, tới nay hơn một trăm năm,

đến lượt ta sửa lại, ta phải theo nền tảng cũ, cố để giữ di tích người xưa... Chùa Thiên - mỗ sửa lại hồi Gia-long, đại khái có những ngôi nhà sau này : chính giữa có Đại-hùng-diện, liền sau có hai nhà phụ tùng ; thứ đến điện Di-lặc 彌勒 rồi điện Quan-âm 觀音. Phía hữu điện 觀音 có 藏經樓 Tầng kinh lầu. Phía trước điện Đại-hùng 大雄 bái bên có Thập-vương-diện 十王殿, nóc bên về phía trước có một Lô-g'a. Giữa chùa phía trước có cửa nghi môn bái tửng, bên phải gác chuông, bên trái gác trống. Ngoài nghi-môn bên phải có nhà b'a lục-ăng, bên trái cũng thế. Đời Minh-mạnh có sửa chữa lại, trang-hoàng cho tráng lệ và mở to nhà làng kính, có nhiều lần làm trai ở đây để phò độ cho vạn linh trần vong. Năm Thiệu-trị thứ tư (1844) trước cửa ngôi nghi-môn có xây một cái tháp 7 tầng, cao 5 trượng, 3 thước 2 tấc (2.1^m 2^t) trước đặt tên là Từ-nhân tháp sau đổi là Phước - duyên bảo tháp 福緣寶塔, trong tháp mỗi tầng có kim thân Phật. Trước tháp có Hương-nguyện-đình 香願亭 trên có pháp luân cửu theo chiều gió luân chuyển, hai bên lại có Bi-đình. Những công việc sửa chữa giao cho quan Tổng chế đội Hồ-dai là ông Hoàng-văn-hậu trông coi. Chung quanh chùa có xây tường gạch bọc kín có 8 cái cửa cá thây. Trong đời Tự-dức, sử không nói gì đến việc sửa chữa chùa Thiên-mỗ 天姥. Ngoài việc làm tray độ vong hồi đức Thiệu-trị thăng hạ, chỉ thấy có năm thứ 15 (1862) có chỉ đổi tên gọi là Linh-mỗ vì theo lệnh chỉ tất cả các địa danh trong nước, theo nghĩa kính giới đất mà phải đổi cả, chỉ có tòa khâm-thiên giám cũng phủ thừa-thiên là không thay đổi, nhưng đến năm thứ 22 lại cho chùa Linh-mỗ theo tên cũ là Thiên-mỗ.

Năm Thành-thái thứ 16 (1901) nhân gió bão nhiều nơi đổ nát, đến năm thứ 19 có sửa chữa lại thì điện Di-lặc cùng ba tòa thập điện bái bên đổ nát bỏ đi, theo đình Hương-nguyện làm thay vào nền điện Di-lặc.

Đó là chùa Thiên mỗ trong lịch-sử, trước hồi đổ nát năm

Thành-thái thứ 16. Chùa hiện thời tuy còn nguy nga
 nhưng có lẽ chỉ bằng một phần khi xưa. Chùa xây ở trên
 một thửa đất hình chữ nhật, chiều dài chừng 250 thước
 tây, chiều ngang chừng 75 thước, chung quanh có tường
 gạch bao bọc cao độ hơn hai thước tây. Đò trên sông
 Hương, khi mới ghé vào bến, thoạt tiên trông thấy 2 cái
 cột, đó là di tích 4 cái cột xây hồi Thiệu-trị mà bắc năm
 1904 làm đổ mất hai ; thung dung bước lên, qua hai lớp
 bậc, xây rộng chừng 15 thước tây, lớp ngoài 7 bậc, lớp
 trong 14 bậc, hai bên vỉa bậc có đắp 2 con rồng châu xuống
 sông. Hết 2 lớp bậc xây đến một cái nền vuông, đó là
 cụ chỉ đình Hương-nguyên. Hai bên nền Hương-nguyên
 香願 có hai cái phượng-đình 方亭, tức là nhà bia, trong
 có bia dựng năm Thiệu-trị thứ 6 (1346) tấm bia bên phải
 kể sự tích trùng tu, tấm bia bên trái khắc bài thơ Thánh-
 chế năm Thiệu-trị. Thờ đến tòa tháp to, tháp xây bằng
 gạch, xây năm Thiệu-trị thứ 4, hình bát-giác, mỗi chiều
 3 thước rưỡi tây, xây trên bệ đá cao 1 thước 10 phân tây,
 cao 21 thước tây. Tháp có 7 tầng, mỗi tầng càng cao thì lại
 thấp bé dần đi, từng nào cũng có cửa mở, về phía nam
 Tháp làm 7 tầng là đề thờ Quá-khư thất-Phật 過去七佛,
 không những thế, số 7 là một số linh trong đạo Phật,
 như ta vừa coi, đủ hiểu cái gì cũng lấy số 7 làm gốc, bậc
 bước lên chùa, lớp nhất 7 bậc, đến lớp nhì, hai lần 7 là
 14 bậc, cho đến lễ nghi cũng 7 ngày một tuần, 7 tuần làm
 lễ siêu-độ, lấy đó mà suy, phân nhiều như thế cả. Tháp
 này thuộc quyền bộ lễ và bộ công quán cổ, ai vào trong
 tháp xem phải xin phép, chia khóa lên từng thứ 7 thì bộ lễ dữ mà thang
 lên từng ấy để ở bộ công. Khi mới vào cửa, bắt đầu từ
 dưới thì thấy một cái bệ, trên có một pho tượng thếp vàng
 tức là tượng Quá khứ ti bà ni 過去毘婆尼 (Vispasyi)
 Lần theo mấy bậc thang, xây cuốn tới tầng thứ 2 có thờ-
 tượng Phật Thi-khi 尸棄, (Sikhi) tầng thứ 3 tượng Ti-xá-
 phù 毘舍浮 (Vis'abhou) ; tầng thứ 4 tượng Cầu-lưu-tôn

俱留宗 (Karakontchanda); từng thứ 5 tượng cầu nư hàm mẫu ni 俱那含牟尼 (Kanakamcuni), từng thứ 6 đức Phật Ca-diếp (Kacyapa. Đến từng thứ 7 là hết thang xây, muốn lên từng thứ bảy phải có thang riêng để ở bộ công và chia khóa cửa để ở bộ lễ, là vì trên đó có mấy pho tượng bằng vàng, tượng đức Thích-ca có hai thị giả A-nan (Ananda) cùng Ca-diếp (Kacyapa) và tượng đức A-di-đà (Amitabhà). Ấy cần thủ như thế, nào chánh-tổng sở tại, nào bộ công, nào bộ lễ, thế mà cách đây ít lâu, chắc các ngài còn phải phất nhợ, có người giậm trèo lên lấy trộm những tượng vàng ấy, nghe ở Huế đồn, hình như có một cậu công-tử vì quá yêu tình-nhân mà lại không giàu, theo nghĩa tối tân, hy-sinh cùng người yêu, trộm vía đức Phật, phụng thỉnh mà phụng-phí cho bỏ; nhưng những việc thất đức ấy tránh sao cho khỏi lưới gài được. Thương thay! cò nhân đã có câu nói : « Vàng đỏ làm đen bụng đời / »

Dưới chân tháp có cái bia nhỏ, dựng năm Thành-thái 11 (1899) nói về việc sửa sang lại tháp. Hai bên tháp có 2 nhà bát giác; nhà bên phải là bi đỉnh cái bia của đức Minh-vương dựng; có đề niên hiệu Vĩnh - thịnh thứ 11 (1715); bia cao 2 thước 6 tấc, rộng một thước hai, để trên một con rùa đá; bia này nói về sự tích trùng tu chùa về đời đó. Nhà bên trái trong có một cái chuông đồng to, đúc năm Minh-vương thứ 19, tức năm Vĩnh-thịnh thứ 6 (1710) giữa ngày đản đức Thích-ca là mồng 8 tháng 4. Chuông này thật hiếm có mà đáng đề ý nhất : nặng 2821 cân tám lạng tức là 2052 kg, cao 2 thước rưỡi tấc, bề ngang một thước hai tấc, treo lên một cái giá gỗ, chỗ trên có trạm 2 con bồ lao, phía trên có 8 chữ thọ viết triện, quãng dữa chia làm 4 khoảng khắc bài minh của đức Minh-vương làm năm 1710, ngoài những hình trạm nổi : vào long, vân, nào nhật, tinh, về phía dưới có khắc hình bát quái. Giáp đại nghị môn có một cái nhà bia, bia khắc bài thơ ngự chế năm Khải-định thứ 4 (1919). Thứ đại nghị môn tức là của tam quan chùa, trên có đề Linh mẫu tự 靈姥寺 và 3 chữ Phúc-lộc-thọ 福祿壽. Hai bên tam quan có 2 cái trời con, bên trái

là nhà trống, có treo một cái trống to, bên phải treo một cái chuông. Chuông này đúc năm Gia-long 14 (1815) phía trên trạm 8 chữ thọ, phía dưới cũng có hình bát-quái. Vào trong tam quan, trước khi tới Đại-hùng-diện ở hai bên giáp tường có 2 cái nhà gọi là Lôi gia 雷家 thờ bát bộ Kim-cương, cùng 2 cái nền nhà thờ thập-diện diêm-vương khi xưa, đồ năm 1904. Đại-hùng-diện là chính điện ở giữa, có tiền đường, có ban thờ Phật. Sau lưng bàn thờ tam thế có bàn thờ đức Địa-tạng, bên phải có một cái chuông không có niên hiệu, bên trái có một cái khánh đồng có trạm Nhật nguyệt tinh tú, 日月星辰 và có khắc chữ, đúc năm Vĩnh-trị thứ 2 (1677), của quan Thủ-hạ Trần-dĩnh-ân, người huyện Minh-linh 明靈, tỉnh Quảng-trị cung tiến. Sau Đại-hùng-diện đến nhà Hương-nguyên cũ thiên vào nền điện Di-lặc xưa, bây giờ gọi là Quan-công-miếu, trong có thờ đức Quan-thánh cùng đức Quan-bình, Châu-xương. Ở Quan-thánh miếu đi ra, trở vào trong sân đến điện Quan-âm, ở giữa có tượng đức Quan-âm bằng đồng, trong các điện còn có nhiều câu đối cùng tượng Phật, kể hết ra đây sợ dườm quá. Về phía tay phải bên Đại-hùng-diện có một cái nhà gọi là tăn thất để cho sư ở.

Đến đây, nào là lịch-sử : chùa Thiên-mỗ có từ bao giờ nào là hình thức : chùa Thiên-mỗ về cổ thời, chùa Thiên-mỗ về hiện kim cùng các tự khí có điều khác thuộc về mỹ-thuật, chúng tôi tưởng cũng đã gọi là đủ. Chỉ còn thiếu sự tích các cao tăng ở chùa Thiên-mỗ, từ đời đức Nguyễn-hoàng cho đến bây giờ, nhưng đó thuộc về Phật-giáo sử ở Trung-kỳ, xin để làm một vấn-đề riêng. Chùa Thiên-mỗ có quan-hệ đến lịch-sử các chùa Nguyễn thì ai cũng thừa hiểu, vì đức Nguyễn-hoàng là người trùng tu chùa ấy trước nhất, mà trùng tu theo một mẫu mới. Chùa Thiên-mỗ làm trên một cái gò cao, phải trèo tới hai lớp bậc cộng 21 bậc mới tới cửa ngoài. Cái lối ấy có phải là hấp thụ ở kiểu kiến trúc « đền núi chữ tây gọi là Temple-

montagne » của Khmer hay Chăm mà là ảnh-hưởng văn hóa Ấn - độ không ? Vấn-đề này xin hãy quyết - nghị. Chính ngay mẫu mực bố trí các điện đài, các công trình thuộc về mỹ-thuật, các đồ có điêu khắc là đáng cho chúng ta nên đề ý tò mò suy xét. Ta đã biết chùa Thiên-mổ làm ở trên đất Huế là đất cũ của người Chăm mà làm vào hồi 1601, là thời kỳ người Chăm tuy đã suy vi nhưng chưa đến nỗi tiêu diệt ; dân Chăm còn nhiều, thợ Chăm không hiếm. Giá bây giờ ta thử lấy một quyển sách có tranh ảnh nói về nước Chăm hay về mỹ-thuật của người Chăm, giở qua mà coi thì tất ta phải lấy làm ngạc-nhiên, không thấy một tí gì của Chăm ở chùa Thiên-mổ. Về mẫu mực bố trí các điện đài thật khác hẳn các di tích của người Chăm ở Đông-dương và Mi-sơn. Về các tượng thờ thì nào Phật Quan-âm, nào tượng Quan-thánh, không có một chút nào dựa vào hình linga hay civaiste là những hình mà người Chăm tôn sùng cả. Cái chuông đúc năm 1710 là một tự khí lực lượng, cỡ kính, đồ sộ nhất trong chùa, thì ở trên nôm chuông lại trạm khắc 2 con bồ lao, cũng như các chuông ở Tàu hay ở Bắc-kỳ, những con bồ lao ấy không có hết giống một tí nào với những sư hình quý-quái garuda của người Chăm mà ta còn thấy di-tích ở góc bàn thờ chùa Sài-sơn. Ngoài hình ấy lại thấy khắc 8 chữ thọ cùng hình bát-quái thì thật toàn là ý tưởng của người Tàu cả. Lại đến như cái khánh, ngoài những chữ nho ra lại thấy những ý kiến Tàu cả : nào nhật nguyệt tinh tú cùng long vân mà thôi. Còn như cái tháp Phước duyên 福緣 ở cửa chùa, làm thành 7 tầng, ta thử đem ra so sánh với các tháp người Hời ở Nha-trang cùng ở Mỹ-sơn, song, lại so với các tháp ở Tàu, ở Cao-ly, ở Bắc-kỳ thì ta thấy rõ không giống mỹ-thuật người hời một tí nào mà toàn là ảnh hưởng văn-hóa Tàu cả. Ai là người mang những văn-hóa ấy vào đất Chăm cũ ? Ai là người gây dựng nền văn-hóa ấy ở đất Chăm cũ. Tất không phải là thương dân cùng ngư công ở vùng Hải-nam hay Phúc-kiến mang lại, chính là người Việt-nam khai thác mà mang đến. Vậy ta

có thể đoán định rằng các chúa Nguyễn là người mang văn hóa mỹ-thuật của Tàu đã được hưởng thụ trong mấy trăm năm ở đất Bắc, gây nền đắp móng ở trên đất Chàm cũ là xứ Huế hiện thời, mà đức Nguyễn-Hoàng là tướng liên phong. Điều ấy cũng không lấy gì làm lạ, vì về hồi các chúa Nguyễn đã có vị hòa thượng Thạch-liêm là một bậc cao tăng, vì bất đắc chí với chế độ Mãng Thanh mà trốn sang Thuận-hóa, khi lời, nào thường đi lại cùng các chúa, nào các chúa lại nhờ về Tàu mua kinh sách. Chùa Thiên-mỗ thật là cái biểu hiệu lớn cho ảnh hưởng văn - hóa và mỹ-thuật Tàu ở trên đất Chàm cũ do người Nam mang lại.

Đó chúng tôi tưởng là một vấn-đề còn ít người lưu tâm đến, giả ta chịu tìm tòi thì có lẽ còn thấy được nhiều nơi và nhiều việc có ích cho lịch-sử.

Xem thế thì người Việt-nam ta có phải chỉ biết phá hoại mà không có ý gây dựng cùng truyền bá về mỹ-thuật, về tôn-giáo đâu ? Còn ai là người còn dám đoán định thế nữa không ? Nhưng thôi, thánh nhân có câu : « Bất hoạn nhân chi bất kỳ tri, hoạn bất tri nhân » nghĩa là : « Lo gì không ai biết, chỉ nên lo mình không biết được người ». Nhân tiện xin thêm rằng : ta lại nên lo mình không tự biết mình nữa. Đứng trước chùa Thiên-mỗ, miệng khấn tay vái, lòng thành trí định, hồi tưởng đến đất cũ người xưa là nước Chàm mà dặt mình lo sợ !

Các ngài nghĩ sao ?



PHẬT-HỌC TỬ-ĐIÊN TẬP-YẾU

佛學辭典輯要

Bất liễu nghĩa kinh 不了義經. — Những kinh điển không phát triển cho thực nghĩa của pháp tính được rõ rệt lại hay che dấu đi, rồi nói ra những lời phương tiện. Như những kinh của phái Tiểu thừa và phái quyền đại thừa.

Bất khả đắc 不可得. — Tức là không, là pháp mà không có thực thể, không trông thấy, sờ thấy được.

Tam thế tâm bất khả đắc 三世心不可得. — Tâm ba đời đều bất khả đắc tức là nghĩa chữ Tâm trong kinh Kim-cương Phật bảo óng Tu-bồ-đề: Tâm quá khứ bất khả đắc, tâm hiện tại bất khả đắc, tâm vị lai bất khả đắc.

Bất khả tư nghị 不可思議. — Lẽ gì sâu sắc mà nhiệm hay là việc gì lạ lùng mới mẻ, mà người ta không có thể lấy trí khôn suy nghĩ, lấy lời lẽ bàn luận cho rõ duyên cớ của nó ra được.

Trong bài tựa sách Pháp-hoa-huyền-nghiã nói: Trong kinh những chỗ gọi là diệu, diệu tức là nghĩa bất khả tư nghị đó.

Tứ chủng bất khả tư nghị 四種不可思議. — Kinh Tạng nhất-a-hàm 增一阿含 thứ 18 nói: « có bốn việc bất khả tư nghị, không phải bậc Tiểu thừa hiểu được » Bốn việc ấy là: Số thế-giới không thể tư nghị được, số chúng sinh không thể tư nghị được, loài long (rồng) không thể tư nghị được, cảnh giới đất Phật không thể tư nghị được.

Ngũ chủng bất khả tư nghị 五種不可思議. -- Sách Tri-độ luận thứ 30 nói: Trong kinh nói có năm việc không có thể tư nghị được là: Chúng sinh nhiều ít, nghiệp quả báo, sức người tọa thiền, sức long-vương, sức chư Phật. Trong năm việc bất khả tư nghị ấy chỉ có sức Chư Phật là bất khả tư nghị hơn hết ».

Bất khả tư-nghị giải thoát pháp môn 不可思議解脫法門 - Một pháp-môn giải-thoát không có thể tư-nghị được. Giải-thoát, tức là một cái tên của phép tam-muội mà gọi khác đi. Vì sự thần-dụng của phép tam-muội nó khiến, cho lớn nhỏ đều bao gióng nhau được, nó tùy theo vờn vạn pháp mà biến hóa, tự-tại vô ngại, là được hết thấy mọi sự bó buộc nên gọi là giải-thoát. Kinh Duy-ma, phẩm bất tư-nghị, ông Duy-ma cật nói với ông Xa-lị-Phất : « Chư Phật, Bồ-tát có phép giải-thoát gọi là bất-khả tư-nghị, nếu Bồ-tát trí được phép giải-thoát ấy thì đem được núi Tu-di cao rộng kia nhét vào trong một cái hạt cải, không phải thêm bớt một tý gì. Bản-tướng núi Tu-di vẫn y như cũ mà bốn cõi trời Tứ-thiên-vương, cõi trời Đao-lợi cùng nhiều cõi trời khác không hề thấy biết rằng mình đã lọt vào trong hạt cải đó. Chỉ có kẻ được Phật độ là cảm thấy được núi Tu-di đã nhét vào trong hạt cải rồi mà thôi, nên gọi là bất-khả tư-nghị giải-thoát pháp-môn.

Bất-cộng 不共, - Không chung cùng với nhau, : Bất-cộng-pháp 不共法, Phép của Như-lai và công đức ngài đều đặc-biệt không chung cùng với kẻ khác được. Bất-cộng-biến 不共變, Cảnh ngộ mỗi người đều theo nghiệp nhân của mình mà biến đi khác nhau.

Bất-cộng trung-cộng 不共中共, - Một phép chung-cùng như người ta ở trong xã-hội, thân ai nấy mang mà lại phải cùng nhau trao đổi sinh-hoạt.

Bất-cộng bất định 不共不定, - Một bất-định-nhân 不定因 trong 6 điều bất-định-nhân về nhân-định-học 因定學.

Bất-như-vô-lử 不如無子, - Có con mà hư không bằng không có con. Kinh vô-lượng thọ, tập hạ nói: « con mà cha mẹ dạy bảo, trọn mất cái lại, Sai bảo ỏi cũng không theo lại hay phản-trái lại, như đối với kẻ có thụ-oản, con mà như thể chẳng bằng không có con còn hơn ».

Bất sinh bất-diệt 不生不滅. - Tức là nghĩa thường-trụ, nên cũng gọi thường-trụ là bất-sinh bất-diệt. Về Tiên-thừa thì lấy lẽ nát-ban mà quán bất-sinh bất-diệt, tức là phép sinh-hệch Về Đại-thừa thì lại lấy sự-tướng của các phép hữu-vi mà luận lẽ bất-sinh bất-diệt, tức là bản thể chân-như.

Bất-dần-trung 不徇中. - Bất - dần cũng như bất nại Phái viên-giáo quan về nghĩa trung, tức cả không với Giả 假 lại làm một, gọi là bất dần-trung.

Bất - bái 不拜 Pháp-võng kinh : « Phép Phật dạy người xuất-gia, không được lễ bái quốc-vương, không được lễ bái cha mẹ mình, không được kính lễ sáu hạng thần trong họ, không được kính lễ quý thần ».

Bất-thoái 不退. - Đòi với những việc thiện-căn công đức, càng ngày càng tăng tiến mà không lùi lại.

Bất-định-tính 不定性. - Một tính trong năm tính của Pháp-tướng tông. Nghĩa là đã đến đủ mọi tính chủng-tử của Thanh-văn, Độc-giác, Bồ-tát ba thừa, có thể thành A-la-hán, thành Bích-chi-Phật hay là thành Phật, không có nhất định về một hướng nào, nên gọi là bất-định-tính.

(còn nữa)

TẢN 1 HÁN THÁI-TỬ-TẮT-ĐẠT ĐA

Rở Cáo-Thơm xem chuyện Thích-Già

Ông Hoàng-thái-Tử nước kia mà,

Lầu hồng gác tía ngồi gòai ngắt.

Góc biển chân trời nước Phật xa,

Từ rã phượng-lâu vào khỗ-hạnh,

Đồi thay long-côn khoác cá-sa.

Làm Vua không dễ làm sư khó,
Hồ mấy con vua sánh kịp mà!

TÂN THẦN BỔ-TÁT DI-LẶC

Tiền thân phó-dại-sỹ là ông,
Biển hóa nghìn thân trải mấy dòng,
Nét mặt tươi cười sen mới nở.
Trong lòng hờn hờ liễu đám bông.
Vị lai rồi sẽ thay làm Phật,
Đâu xuất còn đương chủ một cung
Hội đến bao giờ ông-giáng thế.
Cõi đời lành, trụy hoại rồi không.

TÂN THẦN NGỌC-HOÀNG THƯỢNG-ĐẾ


Thống hệ cùng chung cuộc chuyển vần.
Ngọc-Hoàng niệu lệnh thánh tiên thân.
Mười ba cung chủ nơi thiên-giới.
Ưc triệu dân con chốn hạ trần
Khi nắng khi mưa truyền ý chỉ.
Ra oai ra phúc linh đồng cán.
Thay quyền tạo hóa làm thiên-đế.
Sáu đạo bao la khắp đội ân.

TÂN THẦN NAM-TÀO BẮC-ĐẦU

Giới quang mây tạnh bóng giăng xuống.
Tả-hữu Hoàng cung rạng mấy luồng.

Rực rỡ phương nam soi bút nhọn
Táng bùng dấy bắc chiếu nghiên vương.
Biên ghi một chữ dành công tội,
Tách bạch đôi đường rõ thánh cuồng.
Cầm cán cân thay quyền Thượ'ng-Đế.
Lãnh thì không ghét, ác không nuông.

Phượng-sơn NGUYỄN-THIỆN-CPÍNH



TRUYỆN VUA QUANG - MINH

PHÁT TÂM CẦU ĐẠO

Những người có tri-tuệ có khi nhân một việc nhỏ, mà khởi phát được lòng nhớn, xu-hướng về đạo Phật. Những người tầm-thường có khi gặp những việc nhớn song chỉ chớp mắt bỏ qua, ít hay để ý. Cho nên phàm người học giả hễ gặp cái duyên lành thời nên lập chí cho tinh-tiến mà cố lên, ngõ hầu đối với đạo Bồ - đề mới chóng được thành đạt. Ai người không tin như thế, xin xem câu truyện của Phật-tử dưới đây.

Khi Phật còn tại thế có một hôm các đệ-tử đứng hầu Phật, mà ai ai cũng đem lòng hoài nghi rằng : không hiểu đức Thế-tôn đời quá khứ ngài nhân cái duyên gì mà ngài phát cái tâm vô-thượng bồ-đề để độ thoát cho chúng-sinh, nên kiếp này ngài lại tại hiện ra đây có nhiều sự phúc-lợi như thế. Ngài Tôn-giả A - nan biết rằng lòng đại-chúng hoài nghi như thế, liền đến hỏi đức Thế-tôn rằng : Bạch Thế-tôn, đời trước ngài nhân cái duyên gì mà ngài phát tâm cầu đạo ?

Phật bảo : hay lắm ! A-nan ạ, một câu người hỏi thực có ích-lợi cho mọi người. Nguyên đời quá khứ cách đây đã nhiều kiếp, có một vị Đại-vương người rất thông-minh

đồng-luê, phúc-đức, nhân-từ, thống-trị một nước rất nhỏ gọi là vua Đại-quang-minh. Ở gần đấy lại có một nước nhỏ kết tình đồng minh với vua Quang minh, có vật gì quý báu thường đem cống-hiến. Một hôm vua nước nhỏ đi săn được hai con voi rất đẹp, sức khỏe, da trắng như chất pha-lê, đời chưa từng có, ai thấy cũng ưa. Vua tôi nước kia bàn nhau đem con nhỏ sang cống vua Quang-minh. Vua Quang-minh được con voi trắng ấy rồi, rất là vui thích, gọi người Quản-tượng tên là Tấn sà mà bảo rằng : Ta giao cho người con voi trắng này, đem về trại nuôi-nấng điều luyện cho nó, các khoản phí tổn về sự chăn nuôi luyện tập ấy, hàng tháng hết bao nhiêu, người cứ làm giấy đến kho mà lĩnh. Khi nào người điều luyện nó thành thục rồi người lại tâu qua, để ta xuất dụ cưới thử. người Quản-tượng phụng chỉ lĩnh voi đem về trại, cùng với một đội tượng-binh (lĩnh voi) ngày đêm ra công chăn nuôi tắm rửa, sửa móng tía lông; mỗi ngày hai buổi đem voi ra dạy, cho ăn thuần những cỏ sen mùa tốt; uống thời các thứ nước ngọt và nước sâm, điều luyện không bao lâu voi đã thuần thục, bảo sao nghe vậy. Người Quản-tượng vào tâu vua : voi đã thuần rồi, xin nhà vua ra thử. Vua nghe mừng rỡ phán rằng : Người về kho lấy các đồ châu báu gắn vóc dùng làm đồ anh-lạc và bành đệm cho voi, cực kỳ hoa-mỹ, rồi đến ngày giờ ấy ta sẽ xuống chiếu cho bách quan và dân chúng đến giự. Đúng ngày giờ, các quan vào trước vua ra bãi thử voi, vua đội mũ cửu-long dát vàng, vận áo đáp đại hồng bào kim tuyến, chân lại dận ủng kim-cương. cưới lên con voi trắng nuôi lại thêm mọi đồ châu báu gắn vóc phụ-tùng, cái ánh sáng mặt trời chiếu vào người vua và mình voi, rồi lại phản chiếu ra mọi người, thật là cảnh tượng ở nhân gian chưa từng được thấy. Vua cưới voi đi trước, quần thần và dân chúng cũng cưới voi cưới ngựa theo sau lại có các đội kỵ binh theo hầu cưỡi nhạc. Con voi trắng của vua cưới đi rất uy hùng, nhanh như gió thoảng, các loài cầm thú khác ở xa trông thấy voi

trắng cũng đều khùng khiếp kinh hoàng. Trong khoảng chỗ nhất con voi trắng vua cưỡi đã biến thẳng đến cửa rừng, các đội quân quan cách xa hàng mấy dặm. Con ngựa tượng vì sức lực đã không phải là voi thường, lại lâu nay ăn uống thuần đồ cao lương mỹ-vị, khi tới cửa rừng nó trông thấy một đàn voi rừng, trong ấy có một con voi cái, bấy giờ dục tâm nó phát khởi, như điên như dại, quay cuồng lũng lộn, chày thẳng vào rừng đuổi theo voi cái, nó quên hẳn trên lưng nó hiện có một vị Quốc-vương quý hóa và một ông thầy nghiêm khắc, có thể nắm quyền sống chết của nó ở trong tay, nó cứ lũng lộn tứ tung, bắt từ cành cây khe suối, áo mũ của vua và người quân-tượng bị va vào cành cây đập nát tan tành, bay như cánh bướm; vua càng thét tên quân-tượng bao nhiêu, thì voi càng lũng lộn chừng ấy; người quân-tượng giữ hết thủ-đoạn nhà nghề, mà cũng không sao điều phục nổi nó. Sau đầu tóc vua bị đập vào cành cây rất nhiều, máu ra nhễ nhại. Vua hỏi Quân-tượng rằng: cái số mệnh của ta có lẽ kết-liếu với cuộc thử voi này chắc, đến bước cuối cùng rồi nhà ngươi có cách gì cứu sống ta không? Tên Quân-tượng tâu rằng: chỉ còn có một cách là vua bám chặt lấy cành cây, để voi chạp qua, rồi vua trụt xuống. Vua theo nhời quân-tượng, chờ khi voi sát qua cành cây, vua đu lấy, thế là thoát nạn. Vua trụt xuống gốc cây ngồi, bị nhiều vết thương rất nặng, rờ đến áo mũ thì không còn dính lại một mẩu nào, đau buốt mê man, lại bị ở dữa rừng sâu, không biết thế nào là phương hướng. Người Quân-tượng thấy vua thoát nạn rồi, cũng liền bám lấy cành cây mà xuống. Người Quân-tượng giữ lại chốn vua, thấy vua đang nằm gốc cây rên rỉ, liền tâu rằng: xin nhà vua đừng lo, con voi này hiện giờ đang bị cái lửa dục bốc lên quá mạnh, không thể điều luyện được, nhưng chỉ một vài hôm nó chán rồi, nó không chịu được những thử cỏ hót nước đục ở rừng, thế nào nó cũng tìm về chốn cũ. Vua nói:thời ta không dùng con voi ấy, và nhà ngươi

nữa, (cái luật nước ấy vua nói thế tức là kết án tử hình). Bấy giờ quần thần vào tới cửa rừng, thỉnh thoảng lại thấy những mảnh mũ mảnh áo của vua ở đất, biết ngay là vua bị hại, đốc thúc quân lính chia ngả đi tìm, sau cứ theo những giọt máu mà đi, tìm đến chỗ vua, thấy vua và quân-tượng còn sống, bị thương nhiều, quần áo rách hết, liền đem voi khác chở vua và quần-tượng về cung điều trị. Cả nước nghe tin vua bị thương ai cũng cảm tình buồn bã. Cách sau mấy bữa quả nhiên voi kia không quen dùng những đồ bần thiêu trong rừng. Sống sộc tìm về, chạy vào chốn cũ. Người quân-tượng cũng gần khỏi đau, ra lấy mác liếc voi, voi sa lệ cúi đầu hình như tạ tội. Người quân-tượng vào tâu rằng : tâu nhà vua, con voi trắng đã về, xin vua xá tội. Vua lại nói : ta không dùng voi và nhà người nữa. Người quân-tượng lại tâu : nếu quả vua không dùng nữa, thời xin vua chứng-kiến cho tôi luyện voi một lần cuối cùng nữa, rồi tôi có chết tôi cũng cam lòng. Vua bèn chuẩn tấu, rồi, vua sai thị-thần truyền lệnh sửa sang một nơi bình thản, đắp một nền cao, trên kết lầu dăng hoa, định ngày giờ triệu tập các quan và nhân dân đến, trước xem luyện voi, và sau xem hành binh voi và quần-tượng. Đúng ngày, vua quan lễ tập, tên Quân-tượng đem voi ra trước pháp-tràng, trên có đủ mặt vua quan, hoàng thân quốc thích, dưới có dân chúng bao học, kẻ có úc triệu người. Quân-tượng bảo thợ rèn thổi bể nung một viên sắt cực đỏ, rồi lại tâu vua rằng : tâu nhà vua, tôi dùng đến cách này mà luyện voi thời voi phải chết, tôi e rằng sau khi voi chết vua lại hối hận chẳng ? vì con voi này là vật hiếm trên đời, chỉ những vị chuyển-luân vương mới có, nay vì một lỗi nhỏ, mà phí bỏ đi, thời thực đáng tiếc. Vua nói : ta không dùng voi và người nữa. Quân-tượng nói : tôi, vua không dùng thời thôi, nhưng voi thời không nên phí. Vua nổi cơn thịnh-nộ thét rằng : nhà người còn muốn phản ta lần nữa chẳng? Quân-tượng-biết ý vua khó chuyển, tỏ ý buồn rầu bảo voi rằng : quốc pháp vô thân, người đã hiểu chưa ? rồi ra hiệu

cho voi. Voi tiến vào gần thêm qui hai chân trước, lấy dần gât ba gât, rồi lùi ba bước cúi cổ đứng yên, hai hàng nước mắt đỏ ra dòng dòng, tỏ ý kêu van nhà vua xá tội. Vua vẫn điềm nhiên. Hết thấy mọi người mục kích cái thái độ của voi bấy giờ cũng đều sa nước mắt. Quản-tướng trở vào hòn sắt nung đỏ, rồi lại trở vào cái câu liêm sắt bảo voi rằng : hai cái này ngươi định dùng cái nào ? Bấy giờ voi trông thấy hai thứ kia rồi đứng yên, hình như voi nghĩ ngợi : dùng nào ta cũng chết, nay ta dùng viên sắt này, thời ta được chết một cách nhanh chóng dễ dãi, thế mà đề họ lấy câu liêm họ hỏ óc, thời còn bị đau đớn hồi lâu rồi mới được chết. Thế rồi voi lại đến trước vua quỳ cả bốn chân, đầu rạp tận đất, như người phủ phục. Vua lại thét : Quản-tướng ! ngươi còn chậm trễ mãi ư ? Quản-tướng bảo voi : thời có gan ăn cắp, thời có gan chịu hình, ăn năn thời sự đã rồi, cái lòng phần chúa ai người xá cho, nói thế rồi lại trở vào viên sắt. Voi đưa mắt trông cả bốn phương, hình như nó nghĩ thầm rằng : trong đại chúng bao người đứng đó, mà không ai cứu nổi nó ư ? Thế rồi lấy vòi hít viên sắt nuốt đánh ực một cái, viên sắt vào bụng khói tuôn ra mồm, cháy thủng cả ruột, gan dạ thịt rơi ra ngoài đất, voi lăn ra chết khác nào như chày Kim-cương bổ vào trái núi pha-lê, chỉ một nhát là tan tành như xác pháo, viên sắt đã rơi ra ngoài đất mà vẫn còn nóng đỏ như son, ai ai trông thấy cũng ghê người thương khóc. Vua cũng ngạc nhiên cảm động, gọi Quản-tướng vào hỏi rằng : Sao nhà ngươi dạy voi giỏi thế, mà khi ở trong rừng ngươi lại không điều luyện nổi nó ? Quản-tướng tâu rằng : tôi chỉ điều luyện được thân voi thôi, còn cái tâm voi tôi không thể điều luyện nổi. Vua hỏi : thế ở đời này có ai điều luyện được cả thân và tâm không ? Quản-tướng tâu rằng : chỉ duy có Phật. Vua nghe đến tiếng Phật, như mê chợt tỉnh, hỏi rằng : ngươi nói Phật là giòng giống nào ? Quản-tướng tâu : Phật có hai giống : một là Tri-tuệ, hai là Đại-bi, hay làm đủ sáu

phép Ba-la-mật, phúc đức trí tuệ đầy đủ, gọi là Phật. Phật hay điều luyện mình rồi lại hay điều luyện cho cả chúng sinh nữa. Vua nghe xong vui mừng trở về cung, tắm rửa thay quần áo, lên lầu cao, bưng ra bốn phương lễ bái, phát nguyện rằng : đối với hết thảy chúng sinh, nay tôi đem lòng đại bi mà thương xót, tôi xin cố công tu tập mọi phép trí tuệ, rồi xin đem công đức ấy hồi hướng về Phật, khi tôi thành Phật rồi, tôi điều phục tâm tôi và điều phục cả tâm chúng sinh nữa, mong cho chúng sinh thoát ly cái khổ dâm dục đối mình, và ba đường tội khổ. Vua nói thế xong, trên hư-không tự nhiên rung động, bích như có mọi vị thiên thần đến chứng kiến cái lời nguyện của vua.

Phật bảo A-nan và đại-chúng rằng : bấy giờ con voi trắng nuốt viên sắt nóng ấy, nay chính là ông Nan-dà, người Quán-tượng ray là ông Xá-lợi-Phất; vua Quang-minh chính là thân ta, ấy đời quá-khứ vì ta mục-kích sự luyện voi mà ta phát tâm cầu đạo Phật. Đại-chúng nghe Phật nói xong, ai nấy vui mừng lễ tạ.

Sa-môn THÁI-HÒA dịch

Hộp Thư

Đã nhận mandat của các vị trả tiền báo sau này :

- 1) M. Nhơn à Trà-vinh 2\$50
- 2) M. Ng-đức-Nhuận à Haidương 1\$00

xin trân trọng cảm ơn các ngài

Cùng ông Đào-v -Tương, Kiến-an. Bản báo vẫn gửi Đuốc-Tuệ hầu ông kể từ số 13 tới nay; nếu quả ông không nhận được thật, vì thất lạc tại nhà bưu chính, hoặc tại nhà trạm. Bản báo sẽ có thư riêng trình ông về sự điều tra cái nạn mất báo thường xảy ra ở chốn thôn quê.

Cùng ông Lê-Thanh-Tuấn à Huế - Đã lâu, bản báo không nhận được tờ relevé Đ T kể từ số 11 tới số 29, mỗi số là 30 cuốn. — Vậy xin ông vui lòng tính toán còn thừa thiếu thế nào, xin cho bản báo biết.- Cảm ơn

CÙNG CÁC THẬP-PHƯƠNG THIỆN-TÍN

Bản quán đang in bộ kinh Địa - Tạng có cả chữ Nho kèm Quốc ngữ, có bài dịch nghĩa đối chiếu, ai biết quốc ngữ cũng tụng được hiểu được mà được hưởng phúc lợi vô cùng. Sách giấy 400 trang giá: Đông thường 0\$80, Đông kỹ 1\$00 ai đặt trước trong tuần tháng bảy xin tính giá Đặc biệt 0\$61

CÙNG CÁC NGÀI QUÝ SÁCH

«Sách là một vật báu vô giá» quả thế, biết bao lời hay đức tốt của thánh hiền đời trước, đời nay gửi cả ở trong ấy, nếu không dùng cách mà giữ thì khỏi sao được những sự thất lạc rách nát. Bản quán chuyên môn đóng sách, có nhiều thợ khéo, có đủ các thứ da đẹp, giấy đẹp, đóng đủ các lối, mạ vàng rất tốt, sách ta đóng theo lối tây cũng được, những pho sách to rách đứt đóng lại thành tập như mới, bày trong tủ sách, trang nhã không gì bằng, mà cái vẻ mỹ quan lại càng giúp thêm cho người ham xem ham đọc, thực là ích vô cùng. Các ngài chiều cố xin tính giá rất rẻ, và làm rất nhanh chóng.

Ở trong thành phố Hanoi mà có sách ông xin cho biết chỗ ở, chúng tôi ủy người đến nhận, khi đóng xong lại đem đến giao sách lấy tiền.

Ở xa thì phải chịu tiền cước gửi theo lối recommandé, đóng nhiều bản quán xin chịu đỡ một phần tư tiền cước.

CÙNG CÁC NGÀI YÊU QUÝ ĐUỐC TUỆ

Chúng tôi nhận đóng Đuốc-tuệ một giá rất rẻ mà lại tặng thêm một bức ảnh Quan-âm lo, vẽ theo kiểu mới, ở bên tàu gửi sang, định mùi tuỷ mực, thờ phượng rất trang nghiêm, trị giá tới mỗi tờ 0\$15, đó là để kỷ niệm cái lòng quý đạo quý sách đó mà thôi, ai không đóng Đuốc-tuệ thì không thể lấy không được. Muốn thỉnh xin gửi cho 0\$20 cả cước, giả bằng Timbre cũng được.

Thư và mandat xin đề M. NGUYỄN-HỮU-KHA Quản-lý nhà in ĐUỐC-TUỆ tại chùa Quán - số N° 73 Richaud Hanoi.

Imp. ĐUỐC-TUỆ

Quản-lý CUNG-DINH-BÍNH